TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:01/2019/KDTM-ST Ngày: 06-9-2019. V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Liêm

2. Bà Võ Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chí Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 8 và ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 715/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Đại lý BH;

Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1964;

Nơi cư trú: Ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn K, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Tổ 13, khóm 3, phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Phạm Hoàng Đ, luật sư Công ty luật Hợp danh AN, chi nhánh Đồng Tháp, thuộc đoàn luật sư thành phố H.

- *Bị đơn*: Hộ kinh doanh M;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp A, xã I, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2018 của Đại lý BH, bản tự khai ngày 20/3/2019, biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2019 của anh Phạm Văn K là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn; Biên bản hòa giải ngày 21/01/2019, ngày 05/3/2019, ngày 01/7/2019, ngày 19/7/2019 và trong quá trình xét xử:

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn K trình bày: Vào năm 2016 giữa Đại lý BH và hộ kinh doanh ông M có thỏa thuận mua bán thuốc bảo vệ thực vật và phân bón, ĐLBH giao thuốc bảo vệ thực vật và phân bón cho hộ kinh doanh ông M để bán lại cho người dân, thanh toán vào cuối mùa vụ, đến thời hạn thanh toán nhưng ông M không trả tiền, nên hai bên tiến hành xác nhận công nợ, hiện nay ông M đã nghĩ không còn mua bán vật tư nông nghiệp nữa.

Tính đến ngày 31/01/2017 hộ kinh doanh ông M còn nợ ĐLBH số tiền 26.946.200đ (*Hai mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm đồng*), sau nhiều lần yêu cầu ông M thanh toán số tiền trên nhưng ông M không thực hiện.

Đến ngày 30/6/2018, hai bên đối chiếu công nợ lần cuối, ông M còn nợ số tiền 26.946.200đ, mỗi lần đối chiếu công nợ thì ông M có ký tên và ghi họ tên vào biên bản đối chiếu các ngày 31/01/2017; Ngày 28/02/2017; Ngày 31/3/2017; Ngày 30/4/2017; Ngày 31/5/2017; Ngày 30/6/2017; Ngày 31/7/2017; Ngày 31/8/2017; Ngày 30/9/2017; Ngày 31/10/2017; Ngày 31/11/2017; Ngày 31/12/2017; Ngày 31/5/2018; Ngày 30/6/2018. ĐLBH nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông M thanh toán số tiền còn nợ nhưng ông M cố tình tránh né, không thực hiện.

Nay ĐLBH yêu cầu hộ kinh doanh ông M trả lại số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ gốc là 26.946.200đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 31/01/2017 đến ngày 20/11/2018 là 4.845.824đ, tổng cộng là 31.792.024đ và tính lãi tiếp tục cho đến khi Tòa án giải quyết xong.

* Bị đơn hộ kinh doanh ôngM vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của ĐLBH, cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của hộ kinh doanh ông M về việc yêu cầu khởi kiện của ĐLBH.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Phạm Hoàng Đ và anh Phạm Văn K người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng trình bày: ĐLBH có thỏa thuận miệng với hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M, bán cho hộ kinh doanh ông M vật tư nông nghiệp là phân bón, thuốc sâu, không có ký hợp đồng mua bán, việc mua bán trao đổi qua điện thoại, khi giao hàng thì ông M có ký nhận vào hóa đơn giao hàng, thời hạn thanh toán tiền vào cuối mùa vụ hàng năm. Hiện nay hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M không còn kinh doanh mua bán, ĐLBH có đối chiếu công nợ với ông M, các hóa đơn, chứng từ, sổ sách theo dõi việc mua bán với ông M hiện nay không còn, chỉ còn các bảng đối chiếu công nợ với ông M. Từ khi đối chiếu công nợ ngày 31/01/2017 đến nay ông M không có trả lại số tiền còn nợ cho ĐLBH.

Nên yêu cầu hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M phải có trách nhiệm trả lại cho ĐLBH số tiền còn nợ là 26.946.200đ và tính lãi suất 10%/năm từ ngày 31/01/2017(DL) cho đến ngày xét xử là 31 tháng 6 ngày, với số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng, đã làm tròn số), cam kết chữ ký tên và chữ viết họ tên trong các bảng đối chiếu công nợ là của ông M, nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Điều 11 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Chấp nhận yêu cầu của của Đại lý BH buộc hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M trả lại số tiền mua vật tư còn nợ là 26.946.200đ và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 31/01/2017 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa các pháp nhân, hộ kinh doanh ông M hiện nay có trụ sở tại ấp A, xã L, huyện B, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi có trụ sở và cư trú của bị đơn, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/01/2017 và những lần tiếp theo, Đại lý VTNN BH khởi kiện yêu cầu hộ kinh doanh ông M trả lại số mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 26.946.200đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 31/01/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong, vì cho rằng hộ kinh doanh ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3.] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng mua bán đã được giao kết vào năm 2016, hiện nay Đại lý VTNN BH không còn lưu giữ hóa đơn chứng cứ liên quan đến việc mua bán, chỉ cung cấp được Bản đối chiếu công nợ đến ngày 31/01/2017 đến ngày 30/6/2018, tháng 12/2018 ĐLBH mới khởi kiện, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[1.4.] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M, người đại diện theo pháp luật là ông M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy ông M đã được triệu tập, tống đạt hợp lệ đúng theo quy định, nhưng ông M vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi bị đơn có trụ sở và cư trú, tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông M (M1), ông M ký nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về số tiền nợ: ĐLBH yêu cầu hộ kinh doanh ông M trả lại số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 26.946.200đ là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Bảng đối chiếu công nợ, việc ông M có thỏa thuận mua bán vật tư nông nghiệp với ĐLBH là có thật, đã xảy ra, bên bán đã giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho bên mua, việc mua bán thỏa thuận miệng, không làm hợp đồng mua bán, nhưng có các bảng đối chiếu công nợ đã chứng minh được giữa hai bên có giao kết hợp đồng mua bán, hợp đồng mua bán này phù hợp và đúng quy định tại Điều 430 BLDS. Căn cứ vào các bảng đối chiếu công nợ các ngày 31/01/2017; Ngày 28/02/2017; Ngày 31/3/2017; Ngày 30/4/2017; Ngày 31/5/2017; Ngày 30/6/2017; Ngày 31/7/2017; Ngày 31/8/2017; Ngày 30/9/2017; Ngày 31/10/2017; Ngày 31/11/2017; Ngày 31/12/2017; Ngày 31/5/2018; Ngày 30/6/2018, ông M có ký tên và ghi họ tên vào các bảng đối chiếu, đã chứng minh ĐLBH nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông M thanh toán số tiền còn nợ nhưng ông M cố tình tránh né, không thực hiện việc trả nợ. Hội đồng xét xử buộc hộ kinh doanh ông M trả cho ĐLBH số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 26.946.200đ (*Hai mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm đồng*).

[2.2.] Về lãi suất chậm trả: ĐLBH yêu cầu hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M trả lãi đối với số tiền còn nợ, tính từ ngày 31/01/2017 với lãi suất là 10%/năm cho đến ngày xét xử là 31 tháng 6 ngày, với số tiền là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng, đã làm tròn số*) là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào các bảng đối chiếu công nợ, vào ngày 31/01/2017(DL), các bên tiến hành đối chiếu công nợ cho đến nay ông M (M1) không trả được số tiền nào cho ĐLBH, nên phát sinh nghĩa vụ chậm thanh toán là ngày 31/01/2017 (DL). Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán. Căn cứ yêu cầu của đương sự và tài liệu chứng cứ tòa án thu thập, tại thời điểm hiện tại lãi suất nợ quá hạn trung bình của các ngân hàng trên địa bàn huyện Thanh Bình là 10%/năm, nên áp dụng lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm. Như vậy số tiền lãi chậm thanh toán hộ kinh doanh ông M phải chịu là 26.946.200đ x 0.83%/tháng x 31 tháng 06 ngày (tính từ ngày 31/01/2017 đến ngày 06/9/2019 DL) = 7.002.000đ (*Bảy triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng*). Tại phiên tòa anh Phạm Văn K yêu cầu tiền lãi chậm trả với số tiền là 7.000.000đ, việc yêu cầu này có lợi cho bị đơn nên được Hội

đồng xét xử chấp nhận.

[2.3.] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đại lý BH buộc hộ kinh doanh ông M có trách nhiệm trả lại cho Đại lý BH số tiền nợ là 26.946.200đ và tiền lãi là 7.000.000đ, tổng cộng là 33.946.200đ (*Ba mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm đồng*).

[2.4.] Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông M không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của ĐLBH, cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh về việc có nợ của ĐLBH hay không, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của hộ kinh doanh ông M đối với số tiền nợ nêu trên.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[3.1.] Bị đơn Hộ kinh doanh ông M phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[3.2.] Nguyên đơn Đại lý BH không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào các Điều 430, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Đại lý BH đối với Hộ kinh doanh ông M.

Buộc Hộ kinh doanh ông M có nghĩa vụ trả cho Đại lý BH số tiền nợ 33.946.200đ (*Ba mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Hộ kinh doanh ông M phải chịu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Đại lý BH không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 794.000đ *(Bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng)* theo biên lai số BH/2017- 0004508 ngày 18/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 06/9/2019)

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ